TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:97/2019/DS - PT
Ngày: 22-8-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự
Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê
Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1980 và bà Phan Thị N, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh H và bà Phan Thị N là ông Trương Văn M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Long H, xã Tân A, huyện C, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019) (vắng mặt).

Do có kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Phan Thị N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/04/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 24/02/2016 âl bà Phan Thị N làm đầu thảo mở dây hụi có 20 hụi viên tham gia, hụi 5.000.000 đồng 03 tháng khu hụi một lần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 12 lần tổng cộng 28.280.000 đồng, đến lần

thứ 13 ông bà kêu thăm cao, trúng thăm được lãnh hụi (hốt hụi) được 69.800.000 đồng, trừ huê hồng cho các đầu thảo 200.000 đồng còn lại 67.800.000 đồng bà N không giao hụi nên ông bà khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị N và ông Trần Thanh H phải giao tiền hụi cho ông bà là 67.800.000 đồng (sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Bị đơn Phan Thị N và Trần Thanh H thừa nhận bà Nguyễn Thị T có tham gia hụi và hốt hụi được lãnh số tiền 67.800.000 đồng đúng như bà T trình bày, ông Trương Văn M đại diện cho bà N và ông H có lời trình bày như nội dung lời trình bày của bà N và ông H. Nhưng các bị đơn và người đại diện cho bị đơn cho rằng bà N, ông H có nợ tiền vay của bà S, bà S yêu cầu bà T dùng tiền hốt hụi trả cho bà S nhưng bà T không trả nên bà không giao tiền cho bà T, mặt khác bị đơn còn cho rằng khi hốt hụi bà T cần phải đóng hụi chết 07 lần là 35.000.000 đồng, các hụi viên khác sợ bà Tầng không đóng hụi chết nên yêu cầu bà T tính lại 35.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý nên ông, bà không đồng ý giao tiền hụi cho bà T và ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu của bà T và ông H. Buộc bà N, ông H phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H, bà T 67.800.000 đồng (sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và buộc ông H, bà N phải chịu 3.390.000 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, tuyên nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận, tự nguyện thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2019 bà Phan Thị N và ông Trần Thanh H kháng cáo không thống nhất thanh toán cho bà T, ông H 67.800.000 đồng(sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) vì bà T còn nợ bà S và còn 07 lần phải đóng hụi chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên không thỏa thuận được về việc giải quyết nội dung vụ án, các đương sự trong vụ án không cung cấp thêm chứng cứ nào mới tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là có cơ sở. Bởi vì, dây hụi mở ngày 29/02/2016 loại hụi 5.000.000 đồng các bên thỏa thuận khi hụi viên hốt hụi thì phải trả tiền hoa hồng cho chủ thảo hưởng 2.000.000 đồng, xác định đây là họ hưởng hoa hồng, theo quy định tại Điều 15 của Nghị định 144/2006 ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của chủ họ. Như vậy, khi bà T, ông H là hụi viên bỏ thăm và được hốt hụi thì ông H và bà N phải có nghĩa vụ thu tiền hụi của các thành viên và giao số tiền hụi đã hốt cho bà T và ông H.

Mặc khác, khi các bên tham gia chơi hụi thì giữa chủ thảo và hụi viên cũng không có thỏa thuận khi hụi viên hốt được hụi phải giữa lại số tiền để đảm bảo quyền lợi cho các hụi viên còn lại, cũng như việc bà T và ông H có nợ bà S hay không thì cũng không có liên quan đến số tiền hụi bà T, ông H được hốt. Do đó, ông H và bà N nại ra rằng giữ lại số tiền 35.000.000 đồng để đảm bảo quyền lợi cho 07 hụi viên còn lại cho đến khi mãn hụi là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N và ông Trần Thanh H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bà N, ông H trong hạn luật định, nội dung hình thức đơn đầy đủ rõ ràng cả hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông H, bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tự khai ngày 12/4/2019 của ông H, bà N ngày 06/5/2019 ông H bà N thừa nhận bà T, ông H là hụi viên tham gia 01 phần hụi đã hốt tiền hụi được 67.800.000 đồng ông bà chưa giao cho bà T và ông H đúng như bà T và ông H trình bày (BL 45, 46, 47, 57) tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2019 ông Trương Văn M đại diện của bà N và ông H thừa nhận số tiền hụi bà T, ông H hốt được 67.800.000 đồng như nguyên và bị đơn trình bày trên (BL 27). Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn cũng xác định bà T, ông H hốt hụi được 67.800.000 đồng như các lời khai trước đó của các bị đơn, đại diện bị đơn như đã viện dẫn trên.

Án sơ thẩm xác định dây hụi do bà N mở ngày 29/02/2016 âl, bà T tham gia 01 phần và hốt hụi được 67.800.000 đồng. Bà N, ông H không giao tiền hụi cho bà T, ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà N, ông H phải có tránh nhiệm giao tiền hụi cho bà T, ông H là đúng pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường: "Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có" bà N là chủ hụi không giao tiền bà T hốt được là vi phạm nghĩa vụ được quy định trên bà N và ông H nại ra bà T còn phải có nghĩa vụ đóng hụi chết 07 lần nên không giao đủ là không đúng, vì hụi chết do người hốt hụi đóng sau khi đã khui hụi. Khi nào bà T, ông H không đóng hụi thì ông H, bà N mới có quyền yêu cầu ông H, bà T đóng hụi chết. Còn quan hệ giữa bà S với bà T là quan hệ khác không liên quan đến quan hệ hụi giữa bà N, ông H với bà T, ông H nên bà N không có quyền giữ tiền theo yêu cầu của bà S. Do đó, kháng cáo của bà N và ông H là không phù hợp với pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tại phiên tòa phân tích về chứng cứ của bà T, ông H, đưa ra phân tích có căn cứ của chứng cứ

và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N và ông Trần Thanh H là phù hợp với các tình tiết khách quan có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà N và ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Phan Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Trần Thanh H và bà Phan Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H số tiền 67.800.000 đồng (sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Thanh H, bà Phan Thị N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Trần Thanh H, bà Phan Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002575ngày 06/6/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Đăng cổng TTĐT
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Minh Tự